

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ -ST

Ngày: 02-4-2026

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền và Ông Trần Ánh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bùi Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Chi nhánh Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 363/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/03/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị O, sinh năm 1990; Trú tại: thôn B, xã C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; Trú tại: thôn B, xã C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn chị Bùi Thị O trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 17/4/2012 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là UBND xã C, tỉnh Phú Th). Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống và khác biệt về

tính cách nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ tháng 10/2025 không thể khắc phục được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay không quan tâm đến nhau. Chị không còn thương yêu anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung tên Nguyễn Công H, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 17/5/2015. Được Tòa giải quyết cho ly hôn chị xin được nuôi con Nguyễn Ngọc L, anh T nuôi con Nguyễn Công H. Chị là lao động tự do, công việc chính là phụ hồ thu nhập 9.000.000 đồng/ tháng đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh và chị Bùi Thị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ) ngày 17/4/2012. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị O thường xuyên đi làm về muộn khoảng 8-9h tối, anh đã nhiều lần góp ý điều chỉnh giờ làm việc cho hợp lý nhưng chị O không nghe, vợ chồng có xảy ra xô sát, anh có tác động vật lý với chị O một số lần nhưng không nghiêm trọng đến mức chị O nhập viện. Hiện tại anh và chị O đã sống ly thân khoảng bốn tháng. Trong thời gian ly thân anh vẫn nhắn tin hỏi thăm, bảo chị O quay về sống nhưng chị O không về, không trả lời tin nhắn. Nay chị O là đơn xin ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị O.

Vợ chồng chị có hai con chung tên Nguyễn Công H, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 17/5/2015. Được Tòa giải quyết cho ly hôn anh xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay cháu L đang ở với chị O, cháu H đang ở với anh. Anh làm công việc lắp ráp nhà cửa tại Công ty B, thu nhập 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng / tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo đơn đề nghị của nguyên đơn - chị Bùi Thị O

Tòa án nhân dân khu vực 13- Phú Thọ xác minh được như sau:

Tại biên bản xác minh ngày 26/02/2026, bà Nguyễn Thị N - mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T cho biết vợ chồng O T kết hôn với nhau năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, O thường đi làm về muộn, T góp ý nhưng O không nghe dẫn đến vợ chồng xô sát, có vài lần T tác

động vật lý đến O. Hiện nay vợ chồng Oanh T1 đã sống ly thân, O về nhà bố mẹ đẻ sống. Nay O làm đơn xin ly hôn với T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên cho rằng Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật đúng theo quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất đã tổng đạt cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại các phiên tòa, như vậy bị đơn anh Nguyễn Văn T đã thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị HĐXX:

Áp dụng điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị O.

+ Xử cho chị Bùi Thị O được ly hôn anh Nguyễn Văn T .

+ Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 17/5/2015 cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 14/3/2009 cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T2, chị O có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Bùi Thị O phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị O xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có HKTT: Thôn B, xã C tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Phiên tòa ngày 02/4/2026 anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị O và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 17/4/2012 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị O trình bày quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống và khác biệt về tính cách nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh chị sống ly thân khoảng từ tháng 10/2025 đến nay không quan tâm đến nhau, chị hiện nay đang về nhà mẹ đẻ sống. Chị không còn thương yêu anh T, chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T

Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T tại biên bản lấy lời khai xác nhận thời gian điều kiện kết hôn như chị O trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng anh là bất đồng trong quan điểm sống và do thời gian làm việc của chị O chưa phù hợp nên vợ chồng có cãi nhau, đôi lần anh đã tác động vật lý nên chị O, vợ chồng sống ly thân từ khoảng 10/ 2025 cho đến nay, anh có nhắn tin chị O về nhà chung sống nhưng chị O không về, không trả lời tin nhắn của anh. Tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với chị O nên anh xin đoàn tụ gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy chị O và anh T sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay, chị O không quan tâm đến anh T, anh T gọi điện thoại chị O không nghe, nhắn tin không

trả lời, không về sống chung với anh T. Chị O không còn thương yêu anh T, chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T2 xác nhận vợ chồng anh có mâu thuẫn, có xô xát có đôi lần anh tác động vật lý nên chị O, anh chị sống ly thân từ tháng 10/ 2025 đến nay, như chị O trình bày, nhưng anh còn tình cảm với chị O nên anh xin đoàn tụ gia đình. Vợ chồng anh T2, chị O sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay nhưng anh T2 không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn gia đình, anh liên tiếp vắng mặt tại các phiên tòa bỏ qua các cơ hội để gặp mặt hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị O, cuộc sống chung của anh chị không còn tồn tại. Như vậy hôn nhân giữa chị O và anh T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, 57,58 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Bùi Thị O và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có hai con chung tên Nguyễn Công H, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 17/5/2015. Được Tòa giải quyết cho ly hôn chị O xin được nuôi con Nguyễn Ngọc L, anh T nuôi con Nguyễn Công H. Chị là lao động tự do, công việc chính là phụ hồ thu nhập 9.000.000 đồng/ tháng đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T2 có nguyện vọng nuôi cả hai con. Anh làm công việc lắp ráp nhà cửa tại Công ty B, thu nhập 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng / tháng, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị O, anh T2 là chính đáng, thể hiện tinh thần trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05/02/2026 cháu L có nguyện vọng ở với mẹ, hiện nay cháu L cũng đang ở cùng chị O. Cháu H tại bản tự khai đề ngày 26/02/2026 có nguyện vọng ở với bố, hiện nay cháu H cũng đang ở cùng anh T2. Anh Tuấn vắng mặt tại phiên tòa, chị O nuôi cháu L đồng ý để anh T2 nuôi cháu H. Do đó căn cứ vào Điều 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị Bùi Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 17/5/2015 cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 14/3/2009 cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền thăm con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Anh T2, chị O có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Không có và chị O không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về công nợ chung: Không có và chị O không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Bùi Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị O:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị O được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 17/5/2015 cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 14/3/2009 cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền thăm con chung sau ly hôn không ai được cản trở quyền này. Chị O và anh T có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.
3. Về án phí: Chị Bùi Thị O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007061 ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 13 - Phú Thọ;
- UBND xã Cao Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Thị Lan Anh

